

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI BỔ SUNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BDT ngày /01/2025 của Ban Dân tộc)

ĐVT: triệu đồng		
STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao
A	Dự toán thu	-
I	Tổng số thu	-
1	Thu phí, lệ phí	
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	
	Thu tiền cho thuê phòng trọ	
	Thu tiền phục vụ điều dưỡng ngoài tỉnh	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)	
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)	
4	Thu sự nghiệp khác	
	(Chi tiết theo từng loại thu)	
II	Số thu nộp NSNN	-
1	Phí, lệ phí	
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)	
3	Hoạt động sự nghiệp khác	
	(Chi tiết theo từng loại thu)	
III	Số được để lại chi theo chế độ	-
1	Phí, lệ phí	
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, DV)	
3	Thu viện trợ	
4	Hoạt động sự nghiệp khác	

	(Chi tiết theo từng loại thu)	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	92
I	Nguồn ngân sách trong nước	92
1	Chi quản lý hành chính	92
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0
-	KP quản lý nhà nước	0
-	KP thực hiện CCTL	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	92
-	KP Quỹ tiền thưởng (nguồn 18)	92
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0
	Cấp muối i ốt không thu tiền cho đồng bào dân tộc thiểu số	0
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	

9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	

10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
11	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	0